

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên công ty đại chúng: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**

Năm báo cáo: 2012

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	2
1) <u>Thông tin khái quát</u>	2
2) <u>Quá trình hình thành và phát triển</u>	2
3) <u>Ngành nghề và địa bàn kinh doanh</u>	2
4) <u>Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý</u>	2
5) <u>Định hướng phát triển</u>	6
6) <u>Các rủi ro</u>	6
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2012	6
1) <u>Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh</u>	6
2) <u>Tổ chức và nhân sự</u>	6
3) <u>Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án</u>	12
4) <u>Tình hình tài chính (các tỷ số tài chính)</u>	13
5) <u>Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn/ vốn chủ sở hữu/ cổ tức/ cổ phiếu</u>	14
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	17
1) <u>Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh</u>	17
2) <u>Tình hình tài chính</u>	18
3) <u>Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý</u>	19
4) <u>Kế hoạch phát triển trong tương lai</u>	19
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	19
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	20
1) <u>Hội đồng Quản trị</u>	20
2) <u>Ban Kiểm soát</u>	21
3) <u>Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát</u>	22
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	22
1) <u>Ý kiến kiểm toán</u>	22
2) <u>Báo cáo tài chính được kiểm toán</u>	23

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1600699279
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 26.399.600.000 đ (Bằng chữ: Hai mươi sáu tỷ, ba trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm ngàn đồng chẵn)
- Địa chỉ: 27 Nguyễn Thái Học, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, An Giang
- Số điện thoại: 076 – 3856 964/ 3856 960
- Số fax: 076 – 3955 253
- Website: www.agimexpharm.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có):

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Xí nghiệp Dược phẩm An Giang được thành lập theo Quyết định số 52/QĐ.UB ngày 10/06/1981 của UBND tỉnh An Giang.
- Năm 1992, Công ty chuyển thành doanh nghiệp Nhà nước với tên đầy đủ là “Xí Nghiệp Liên Hợp Dược An Giang”, tên viết tắt là Angipharma.
- Cuối năm 1996, Công ty Dược phẩm An Giang chính thức được thành lập theo Quyết định số 82/QĐ-CT.UB ngày 07/12/1996 của UBND Tỉnh An Giang trên cơ sở sáp nhập Công ty Dược và Vật tư y tế An Giang vào Xí Nghiệp Liên Hợp Dược An Giang.
- Năm 2003, Công ty chính thức được chuyển từ Công ty Dược phẩm An Giang thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2778/QĐ.UB ngày 29/12/2003 của UBND Tỉnh An Giang.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu của Công ty số 5203000020 do Sở KH&ĐT Tỉnh An Giang cấp ngày 03 tháng 06 năm 2004 với vốn điều lệ là 6.776.900.000 đồng.
- Tháng 12/2007, Công ty phát hành thêm 1.522.310 cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên 22 tỷ đồng.
- Tháng 05/2008, Công ty chính thức ký hợp đồng Hợp tác liên doanh với cổ đông chiến lược là CTY CP DP Imexpharm, đồng thời đổi tên thành CTY CP DP Agimexpharm.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 ngày 20 tháng 09 năm 2012 số 1600699279 do Sở KH&ĐT Tỉnh An Giang cấp.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

+ Ngành nghề kinh doanh (chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất):

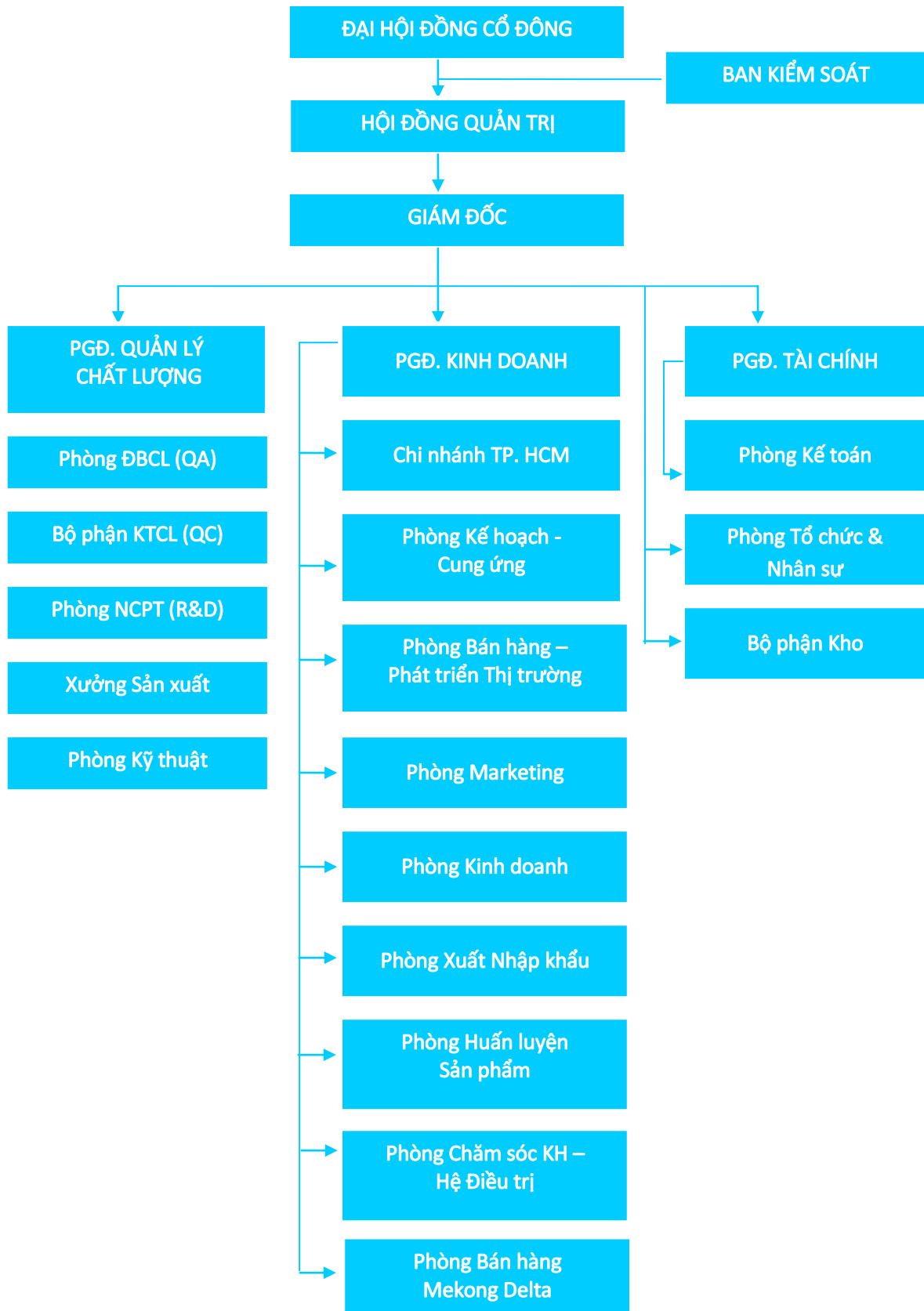
Sản xuất và kinh doanh dược phẩm.

+ Địa bàn kinh doanh (chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất):

Đồng bằng sông Cửu Long, TP.HCM.

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a) Mô hình quản trị



Hình 1: Mô hình quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm AGIMEXPHARM

b) Cơ cấu tổ chức

Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2005. Cơ sở hoạt động và điều hành Công ty là Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28 tháng 04 năm 2011.

Cơ cấu tổ chức của Công ty hiện tại gồm có Văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc:

- *Văn phòng Công ty*: Nơi đặt trụ sở chính của Công ty (Địa chỉ: Số 27 Nguyễn Thái Học, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang)
- *Nhà máy Sản xuất Dược phẩm Agimexpharm*: Đặt tại 66 Vũ Trọng Phụng, Khóm Thạnh An, P. Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
- *Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh*: Đặt tại số 24 Đường số 3, Cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11, TP.HCM.

c) Cơ cấu bộ máy quản lý

* *Bộ máy quản lý của Công ty bao gồm các cơ quan chính sau:*

- **Đại Hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ)**: là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. ĐHCĐ có những trách nhiệm chính: thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về hướng phát triển của Công ty, quyết định về cơ cấu vốn, bầu ra bộ máy quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- **Hội đồng quản trị (HĐQT)**: là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ mà không được ủy quyền. HĐQT có nhiệm vụ quyết định chiến lược phát triển Công ty, xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý Công ty; đồng thời đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do ĐHCĐ đề ra.
- **Ban Kiểm soát**: là cơ quan có nhiệm vụ giúp ĐHCĐ giám sát và đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách khách quan nhằm đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.
- **Ban Giám đốc**: chịu trách nhiệm điều hành, quản lý toàn bộ hoạt động của Công ty, quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT về phương án kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty, kiến nghị cách bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty trừ các chức danh thuộc quyền quyết định của HĐQT, quyết định lương và phụ cấp đối với người lao động trong Công ty và thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan đến hay bắt nguồn từ các nhiệm vụ trên.

* *Các phòng chức năng và chi nhánh:*

- **Phòng Tổ chức – Nhân sự**: có nhiệm vụ quản lý hồ sơ cán bộ công nhân viên, quản trị hành chính văn thư lưu trữ, tuyển dụng, giải quyết các vấn đề về tiền lương, chế độ chính sách cho công nhân viên, công tác đời sống và trật tự, an toàn Công ty.
- **Phòng Kinh doanh**: tham mưu Ban Giám đốc về việc phát triển sản xuất, kinh doanh hàng trong nước và nước ngoài, lập các đề án hàng độc quyền, hàng có lãi cao, và hoạch định chiến lược kinh doanh của Công ty nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty một cách hiệu quả nhất.
- **Phòng Kế hoạch – Cung ứng**: đảm bảo cung ứng đủ vật tư phục vụ cho sản xuất, kinh doanh và xây

dựng kế hoạch sản xuất hợp lý.

- **Phòng Bán hàng – Phát triển thị trường:** xây dựng kế hoạch bán hàng và phát triển thị trường trong và ngoài nước một cách hiệu quả.
- **Phòng Xuất Nhập khẩu:** tham mưu và thực thi các chiến lược xuất nhập khẩu của Công ty; Khảo sát, nghiên cứu thị trường, xúc tiến xuất khẩu các sản phẩm của Công ty (trước mắt là thị trường Đông Nam Á); Thực hiện các thủ tục, vấn đề pháp lý về hải quan – xuất nhập khẩu, các nghiệp vụ về ngoại thương.
- **Phòng Marketing:** định dạng thương hiệu Agimexpharm, quảng bá và đẩy mạnh các sản phẩm của Agimexpharm đang sản xuất kinh doanh đến các thị trường trong và ngoài nước.
- **Phòng Huấn luyện Sản phẩm:** Thực hiện và tham gia huấn luyện, đào tạo nhằm bổ sung, cập nhật thông tin các sản phẩm, các kỹ năng bán hàng của Agimexpharm và của các đối tác (Quản trị các khuyến cáo của cơ quan chức năng đến từng nhân viên).
- **Phòng Chăm sóc Khách hàng – Hệ Điều trị:** có chức năng tư vấn, trả lời các thắc mắc của khách hàng về giá cả, sản phẩm, dịch vụ, các chương trình khuyến mãi...thuộc hệ điều trị và làm tất cả những gì cần thiết để thỏa mãn nhu cầu và mong đợi của khách hàng.
- **Phòng Bán hàng Mekong – Delta:** phụ trách phát triển thị trường các tỉnh: Kiên Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Hậu Giang, TP. Cần Thơ, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Tiền Giang và Đồng Tháp.
- **Chuỗi nhà thuốc GPP:** Gồm 6 nhà thuốc của Cty tại thành phố Long Xuyên đạt trên tiêu chuẩn nhà thuốc GPP.
- **Phòng Kế toán Tài chính:** có nhiệm vụ hạch toán, phân bổ chi phí, tổng hợp, quyết toán theo Luật kế toán đã ban hành. Lập báo cáo sản xuất, báo cáo tài chính đúng kỳ.
- **Phòng Nghiên cứu & Phát triển:** đảm nhận vai trò nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến, xây dựng công thức, quy trình sản xuất thuốc mới đồng thời kết hợp với xưởng sản xuất, phòng kiểm tra chất lượng để nghiên cứu, nâng cao chất lượng sản phẩm liên quan đến quy trình sản xuất.
- **Phòng Đảm bảo chất lượng:** có nhiệm vụ quản lý hệ thống chất lượng của công ty gồm: theo dõi, giám sát nhằm đảm bảo sản phẩm luôn luôn đạt chất lượng tốt an toàn và hiệu quả.
- **Xưởng sản xuất:** có nhiệm vụ sản xuất dược phẩm theo kế hoạch sản xuất của Công ty.
- **Phòng Kỹ thuật:** đảm bảo các thiết bị trong tình trạng hoạt động tốt sẵn sàng phục vụ sản xuất (bảo trì, sửa chữa, kiểm định, hiệu chuẩn,...), đảm bảo hệ thống điện, nước, nhiệt độ, độ ẩm, áp suất, thông gió luôn ổn định, tham gia công tác thẩm định và tự thanh tra.
- **Kho:** bộ phận kho có nhiệm vụ tồn trữ, bảo quản nguyên liệu và thành phẩm theo đúng những tiêu chuẩn và điều kiện quy định GSP.
- **Phòng Kiểm tra chất lượng:** có chức năng xây dựng tiêu chuẩn kiểm nghiệm và kiểm nghiệm các nguyên liệu, bao bì, sản phẩm trung gian, bán thành phẩm, thành phẩm và lưu mẫu đầy đủ.
- **Chi nhánh TP.HCM:** có chức năng kinh doanh, phân phối tại khu vực TP.HCM và các tỉnh lân cận,

làm đầu mối trong việc nghiên cứu thị trường, tiêu thụ sản phẩm, kiểm tra và quản lý công nợ. Chi nhánh TP.HCM bắt đầu đi vào hoạt động từ tháng 08 năm 2005.

- **Nhà máy sản xuất Dược phẩm Agimexpharm:** chính thức được Cục Quản lý Dược Việt Nam cấp giấy chứng nhận GMP – WHO và đi vào hoạt động vào tháng 08 năm 2008.

5. Định hướng phát triển

- Doanh thu và lợi nhuận:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2012	Kế hoạch 2013	KH2013/TH2012
Tổng doanh thu	204,3	206	100,8%
Doanh thu hàng mua ngoài	73,8	74	100,3%
Doanh thu hàng Cty sản xuất	130,5	132	101,2%
Lợi nhuận trước thuế	8,97	9,2	102,6%

- Tìm nguồn vốn đủ cho sản xuất kinh doanh; giải pháp tối ưu hạn chế rủi ro.
- Kiểm soát chặt chẽ tồn kho, công nợ, và chi phí.
- Khai thác tốt Nhà máy Kem – Mỡ – Nước.
- Tập trung vào các sản phẩm đặc trị có thị phần ổn định, sản phẩm ít cạnh tranh.
- Tìm kiếm bổ sung nguồn nhân lực giỏi đảm nhận các chương trình sản xuất, kinh doanh và phát triển thị trường.
- Công ty luôn dành khoảng 400 triệu đồng/ năm cho các hoạt động xã hội.

6. Các rủi ro:

Năm 2013, Agimexpharm sẽ đối mặt với nhiều thách thức từ việc thay đổi giá thầu thuốc, khai thác xưởng Kem – Mỡ – Nước chưa đạt kỳ vọng, nguồn nhân lực quản lý thiếu. Ngoài ra, theo các dự báo, thị trường sẽ còn nhiều khó khăn, biến động phức tạp trong năm 2013.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2012

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện (TH) 2011	Thực hiện (TH) 2012	Kế hoạch (KH) 2012	So sánh TH 2012 với	
				KH 2012	TH 2011
Tổng doanh số:	201,0	204,3	181	113%	102%
+ Cty mua ngoài:	99,3	73,8	36	205%	74%
+ Cty sản xuất:	101,7	130,5	145	90%	128%
Lợi nhuận trước thuế:	3,5	8,97	6,25	144%	256%

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban Điều hành:

Bà NGUYỄN THỊ NAM HÓA			
Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị, kiêm Giám đốc			
Giới tính	Nữ	Quê quán	An Giang
Ngày tháng năm sinh	22/02/1954	Địa chỉ thường trú	23/2B Trần Hưng Đạo, Mỹ Quý, Long Xuyên, An Giang
Nơi sinh	An Giang	Số điện thoại Cty	076.3856961
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	Đại học
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Dược sĩ
Quá trình công tác:			
<ul style="list-style-type: none"> ○ 3/1984-4/1987 : Công tác tại phòng Kỹ thuật - Nghiên cứu + Quản đốc phân xưởng thuốc Tiêm nước thuộc Xí nghiệp LH Dược An Giang. ○ 4/1987-12/1989 : Quản đốc phân xưởng thuốc viên, Phó quản đốc phân xưởng Nghiên cứu- Sản xuất thuốc Xí nghiệp LH Dược An Giang. ○ 12/1989-12/2003: Phó Giám đốc Công ty Dược phẩm An Giang. ○ 11/2003-06/2004: Giám đốc Công ty Dược phẩm An Giang. ○ 06/2004 - 2007: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc CTY CP DP An Giang. ○ 2007 đến nay: Giám đốc CTY CP DP Agimexpharm – Phó Chủ tịch HĐQT. 			
Chức vụ hiện nay	Phó Chủ tịch HĐQT, kiêm Giám Đốc		
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không		
Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 31/12/2012	33.354 cổ phần		
Đại diện ủy quyền của SCIC	316.800 cổ phần		
Số cổ phần của những người có liên quan đến thời điểm 31/12/2012	Không		
Các khoản nợ đối với Công ty	Không		
Các khoản lợi ích khác	Không		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không		

Ông NGUYỄN VĂN KHA			
Chủ tịch Hội đồng Quản trị, kiêm Phó Giám đốc			
Giới tính	Nam	Quê quán	An Giang
Ngày tháng năm sinh	16/05/1953	Địa chỉ thường trú	390 Đường Tên Lửa, Quận Bình Tân, TP.HCM
Nơi sinh	An Giang	Số điện thoại Cty	076.3956794
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	Đại học
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Dược sĩ
Quá trình công tác:			
<ul style="list-style-type: none"> ○ 1973-1979 : Học đại học Dược khoa Sài Gòn ○ 1980-1981 : Công tác tại Khoa dược Đại học Y dược TPHCM ○ 1982-1994 : Công tác tại Xí nghiệp Dược phẩm An Giang ○ 1995-2001 : Giám đốc Cty TNHH Dược phẩm Lam Sơn TPHCM ○ 2001-2004 : Chuyên viên Công ty Dược phẩm 3/2 TPHCM ○ 2005-2007 : Phó Giám đốc CTY CP DP Agimexpharm – Thành viên HĐQT ○ 2007 đến nay: Chủ tịch HĐQT, Phó Giám đốc CTY CP DP Agimexpharm 			
Chức vụ hiện nay	Chủ tịch HĐQT – Phó Giám đốc		
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không		
Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 31/12/2012	33.439		
Số cổ phần của những người có liên quan đến thời điểm 31/12/2012	Không		
Các khoản nợ đối với Công ty	Không		
Các khoản lợi ích khác	Không		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không		

Ông LÊ HOÀNG			
Thành viên Hội đồng Quản trị, kiêm Phó Giám đốc			
Giới tính	Nam	Quê quán	An Giang
Ngày tháng năm sinh	09/04/1962	Địa chỉ thường trú	898/8 Đông Thịnh 4, Mỹ Phước, Long Xuyên, An Giang
Nơi sinh	An Giang	Số điện thoại Cty	076.3956794
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	Đại học
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:			
<ul style="list-style-type: none"> ○ 1981-1988 : Nhân viên kế toán Công ty Dược phẩm An Giang ○ 1988-1991 : Học đại học Kinh tế khoa Tài chính kế toán ○ 1990-1992 : Phó phòng Kế toán Thống kê Công ty Dược phẩm An Giang ○ 1992-2004 : Kế toán trưởng Công ty Dược phẩm An Giang ○ 2004-2007 : Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Giám đốc CTY CP DP An Giang ○ 2007-đến nay: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng CTY CP DP Agimexpharm 			
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT, kiêm Phó Giám đốc		
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không		
Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 31/12/2012	15.802		
Số cổ phần của những người có liên quan đến thời điểm 31/12/2012	Không		
Các khoản nợ đối với Công ty	Không		
Các khoản lợi ích khác	Không		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không		

Bà PHẠM THỊ BÍCH THỦY			
Thành viên Hội đồng Quản trị, kiêm Phó Giám đốc			
Giới tính	Nữ	Quê quán	Hải Phòng
Ngày tháng năm sinh	31/01/1969	Địa chỉ thường trú	620/16 Bùi Văn Danh, Mỹ Xuyên, TP. Long Xuyên, An Giang
Nơi sinh	Hải Phòng	Số điện thoại Cty	076.3934227
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	Đại học
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Dược sĩ
Quá trình công tác:			
<ul style="list-style-type: none"> ○ 1989-1994: Học đại học Y Dược TPHCM ○ 1995- 1996: Chuyên viên tổ Pha chế Xưởng dược CTY DP An Giang ○ 1996-2001: Tổ phó tổ Pha chế CTY DP An Giang ○ 2001-2003: Phó Quản đốc CTY DP An Giang ○ 2004-2006: Thành viên HĐQT, Quản đốc xưởng dược CTY CP DP An Giang ○ 2006-2007: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc CTY CP DP An Giang ○ 2007- đến nay: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc CTY CP DP Agimexpharm 			
Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc		
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không		
Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 31/12/2012	44.739		
Số cổ phần của những người có liên quan đến thời điểm 31/12/2012	Không		
Các khoản nợ đối với Công ty	Không		
Các khoản lợi ích khác	Không		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không		

- Những thay đổi trong ban điều hành: Không!
- Số lượng cán bộ, nhân viên:

	2010	2011	2012
Đại học và sau đại học	32	41	49
Trung cấp, cao đẳng	149	158	147
Khác	39	37	36
Tổng số người lao động:	220	236	232

- Chính sách đào tạo, lương, thưởng, trợ cấp:

Chế độ làm việc

Công ty thực hiện chế độ làm việc 8 giờ/ ngày và 40 giờ/ tuần.

Chính sách lương

Đối với CBNV làm việc gián tiếp Công ty trả lương theo thời gian. Đối với CBNV làm việc trực tiếp, Công ty trả lương theo chế độ khoán theo hiệu quả hoạt động kinh doanh, căn cứ vào tính hiệu quả làm việc của từng cá nhân. Nhằm khuyến khích CBNV nỗ lực nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, hàng năm, CBNV được xét tăng lương phụ thuộc vị trí công việc, mức độ hoàn thành công việc và năng lực thực tế của nhân viên.

Chính sách khen thưởng

Mức thu nhập của CBNV được nâng cao đáng kể từ chế độ khen thưởng và thưởng theo thành tích của Công ty dựa trên kết quả hoạt động hàng tháng, hàng năm.

Chế độ phúc lợi

Việc trích nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và các chế độ phúc lợi khác được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Vào các dịp lễ, tết, Công ty đều có tặng quà hoặc tiền cho CBNV và gia đình.

Chính sách đào tạo – huấn luyện:

- Nhu cầu phát triển nguồn nhân lực hết sức cần và cấp bách. Công ty cố gắng đào tạo, bồi dưỡng các CBNV có thái độ tích cực, toàn tâm với công việc, với Công ty. Để được đề bạt, nâng bậc là do kết quả thực hiện công việc được giao hiệu quả của từng CBNV. Chính sách đào tạo cho nhân viên bao gồm:
 - + Định kỳ tổ chức đào tạo về GMP, GLP, GSP, GDP, GPP, An toàn vệ sinh lao động, PCCC, vận hành và bảo trì thiết bị sản xuất và phụ trợ.
 - + Mời các chuyên gia từ TP.HCM huấn luyện về kỹ năng bán hàng, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thu hồi nợ, ... nhằm tăng sự tự tin và sự chuyên nghiệp cho nhân viên.
 - + Tăng cường phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật của nhân viên trong công việc nhằm nâng cao hiệu quả và tiết kiệm chi phí. Hàng năm, ban điều hành đã khen thưởng cho những tập thể và cá nhân đưa ra những sáng kiến, cải tiến trong công việc.
- Do tình hình còn nhiều khó khăn, để hoạt động tối ưu Công ty đã rà soát, sắp xếp lại và giảm biên chế nhân sự không hiệu quả ở từng phòng, ban.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

<i>Công trình</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Nhà máy dầu - mỡ - nước	8.342.182.646	1.875.476.638
Cộng	8.342.182.646	1.875.476.638

- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số lượng cổ phần</i>	<i>Kết quả đầu tư năm 2012</i>
- Cổ phiếu Công ty CP Hóc dược phẩm Mekophar	20.000.000	-	-	20.000.000	3.000	3.608.000
- Cổ phiếu Công ty CP Dược phẩm Imexpharm	187.280.000	-	-	187.280.000	17.424	98.991.600
- Cổ phiếu Công ty CP Dược phẩm OPC	21.300.000	-	-	21.300.000	2.130	23.146.000
- Cổ phiếu Công ty CP Dược phẩm 3/2	1.558.500.000	-	-	1.558.500.000	79.500	174.900.000
- Cổ phiếu Công ty CP Y Dược phẩm Việt Nam	10.000.000	-	-	10.000.000	100	7.000.000
Cộng	1.797.080.000	-	-	1.797.080.000	-	307.645.600

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết): Không có!

4. Tình hình tài chính (các tỷ số tài chính):

4.1. Tỷ số kết cấu vốn:

4.1.1. Tỷ số nợ:

- Tỷ số nợ đầu năm là 54,97%, cuối năm 2012 là 52,18% đây là tỷ lệ tài sản hình thành từ vốn vay, tỷ lệ này giảm và nằm trong mức an toàn về tài chính (tỷ lệ cho phép từ 30% -70%). Dù tỷ lệ là an toàn về tài chính và lãi vay đã giảm nhưng công ty cũng cần phải có biện pháp kéo giảm tỷ số xuống để giảm chi phí.
- Xét về giá trị tuyệt đối tổng nợ cuối năm so đầu năm giảm 1,7 tỷ. Trong đó nợ ngắn hạn giảm 1,81 tỷ, nợ dài hạn tăng 0,11 tỷ. Tuy nhiên, công ty cần xem xét nghiêm túc việc vay ngắn hạn tăng 4,63 tỷ và phải trả người bán giảm 9,78 tỷ, cần có tính toán và cân nhắc trong thanh toán tiền hàng và đàm phán với nhà cung cấp để được ưu đãi tài trợ vốn thông qua việc mua hàng trả chậm để giảm chi phí sử dụng vốn.

4.1.2. Tỷ số tự tài trợ:

- Tỷ số tự tài trợ đầu năm 45,03% và cuối năm năm 2012 là 47,82% tăng 2,80% tức 5,11 tỷ, tỷ suất này cho thấy tài sản được hình thành từ vốn chủ sở hữu ngày càng tăng, xét trên góc độ tài chính là an toàn, tỷ suất này càng tăng doanh nghiệp càng an toàn.
- Qua hai tỷ số nợ và tỷ số tự tài trợ cho thấy tình hình tài chính công ty trong năm 2012 đã được cải thiện, ổn định và an toàn, nhưng cần phải có phương án tốt hơn trong việc sử dụng vốn vay, tìm kiếm nguồn vốn với chi phí thấp, kiểm soát và thu hồi công nợ tốt hơn và định mức tồn kho hợp lý, nhằm gia tăng hiệu quả sử dụng vốn hơn nữa.

4.2. Tỷ số tài chính:

4.2.1. Tỷ số thanh toán:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
- Tỷ số thanh toán hiện hành	Lần	1,27	1,27
- Tỷ số thanh toán nhanh	Lần	0,81	0,81

- Tỷ số thanh toán hiện hành không thay đổi so với 2011 và vẫn lớn hơn 1 cho thấy khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn có độ đảm bảo an toàn. Riêng tỷ số thanh toán nhanh còn nhỏ hơn 1, cho thấy khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn bằng tiền vẫn còn thấp cần phải cải thiện.
- Năm 2012 nợ ngắn hạn mặc dù đã giảm nhưng vay ngắn hạn tăng, do đó cần thận trọng với bài toán đòn cân nợ, nếu không sẽ dễ dẫn đến mất an toàn tài chính, phân tích dòng tiền để đưa ra các biện pháp hữu hiệu để tình hình tài chính công ty năm 2013 ngày càng lành mạnh.

4.2.2. Tỷ suất lợi nhuận:

i) Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu ROS:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	%	4,38	1,74
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	3,36	1,10

Tỷ suất lợi nhuận trước và sau thuế trên doanh thu đều tăng so với năm 2011, cho thấy hiệu quả hoạt động của công ty rất tốt.

ii) Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản ROA:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	7,01	2,82
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	5,38	1,79

- Tỷ suất lợi nhuận trước và sau thuế trên tổng tài sản tăng so với năm 2011, mặc dù tổng tài sản năm 2012 tăng, đồng nghĩa với việc sử dụng tài sản của công ty ngày càng được cải thiện và mang lại lợi nhuận.

iii) Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu ROE:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu	%	14,67	6,26
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	11,26	3,97

- Tỷ suất lợi nhuận trước và sau thuế đều tăng mặc dù vốn chủ sở hữu tăng 5,11 tỷ.
- Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2012 đã được cải thiện và phát triển theo hướng tích cực, thị trường ngày càng mở rộng, doanh thu hàng sản xuất tăng 28,26 % so với năm 2011. Các tỷ suất về lợi nhuận ROS, ROA, ROE đều tăng khá nhiều so với năm 2011.
- Với kết quả đạt được của năm 2012, công ty cần đề ra chiến lược hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 theo hướng phát triển cả bề rộng lẫn chiều sâu và có hiệu quả hơn nữa.
- Qua báo cáo tài chính, các tỷ số về kết cấu vốn, tỷ số tài chính cho thấy tình hình tài chính công ty vẫn lành mạnh, dù vậy cần phải thận trọng xem xét và có những giải pháp quản trị tài chính hiệu quả hơn để đối phó với tình hình kinh tế mà theo dự báo năm 2013 vẫn còn rất nhiều khó khăn.

5. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn/ vốn chủ sở hữu/ cổ tức/ cổ phiếu

5.1. Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn trong nước

- Vốn điều lệ hiện hữu: 26.399.600.000 đồng
- Cổ phần hiện hữu: 2.639.960 cổ phần
- Cổ đông hiện hữu: 322; trong đó: 07 cổ đông là tổ chức, 315 là cá nhân, cụ thể:
 - * Cổ đông Nhà nước: 316.800 cổ phần, chiếm 12%
 - * Cổ đông pháp nhân khác: 903.996 cổ phần, chiếm 34,24%
 - * Cổ đông cá nhân: 1.419.164 cổ phần, chiếm 53,76 %.
- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn/thành viên góp vốn

+ CTY CP DP Imexpharm:

Địa chỉ : số 4, đường 30/4, Tp.Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp – Điện thoại : 067 3851943

Số cổ phần sở hữu: 682.599 cổ phần, chiếm 25,86%/ tổng vốn Điều lệ.

+ Tổng Công Ty Đầu Tư & Kinh Doanh Vốn Nhà Nước:

Địa chỉ: số 06, Phan Huy Chú, Hà Nội.

Số cổ phần sở hữu: 316.800 cổ phần, chiếm 12%/ tổng vốn Điều lệ.

+ Ông Phạm Uyên Nguyên, sinh năm 1968:

Địa chỉ: 19D Thạch Thị Thanh, P.Tân Định, Q1, TP.HCM.

Số cổ phần nắm giữ đến 31/12/2012: 339.837 cổ phần, chiếm 12,87%/ tổng vốn Điều lệ.

5.2. Vốn chủ sở hữu

(a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm nay

	<i>Đầu năm</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Cuối năm</i>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	22.000.000.000	4.399.600.000	-	26.399.600.000
- Thặng dư vốn cổ phần	23.763.266.700	-	4.399.600.000	19.363.666.700
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	4.662.862	-	-	4.662.862
- Quỹ đầu tư phát triển	7.148.170.128	793.697.539	-	7.941.867.667
- Quỹ dự phòng tài chính	1.168.343.233	111.396.090	-	1.279.739.323
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.927.921.809	6.960.702.550	2.755.129.629	6.133.494.730
Cộng	56.012.364.732	12.265.396.179	7.154.729.629	61.123.031.282

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng và thặng dư vốn cổ phần giảm là do tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu từ thặng dư vốn cổ phần theo Thông báo phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu ngày 24/09/2012 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

Quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính tăng là do trích lập từ lợi nhuận sau thuế năm 2011.

(b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	Tổng số cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Cổ đông Nhà nước	316.800	3.168.000.000	12,00%
- Các cổ đông khác	2.323.160	23.231.600.000	88,00%
Cộng	2.639.960	26.399.600.000	100,00%

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: không có

Số lượng cổ phiếu quỹ: không có

(c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<i>Năm nay</i>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
▪ Vốn góp đầu năm	22.000.000.000
▪ Vốn góp tăng trong năm	4.399.600.000
▪ Vốn góp giảm trong năm	-
▪ Vốn góp cuối năm	26.399.600.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.609.926.000

(d) Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán trên cổ phiếu thường: chưa công bố

(e) Cổ phiếu

	<i>Năm nay</i>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.200.000
- Số lượng cổ phiếu đã được bán ra công chúng	2.639.960
▪ <i>Cổ phiếu thường</i>	<i>2.639.960</i>
▪ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-
▪ <i>Cổ phiếu thường</i>	-
▪ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.639.960
▪ <i>Cổ phiếu thường</i>	<i>2.639.960</i>
▪ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000	

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Kết quả kinh doanh giai đoạn 2008 – 2012:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2008	2009	2010	2011	2012
Tổng doanh số:	162,2	161,7	192,6	201,0	204,3
+ Cty mua ngoài:	140,6	129,8	127,2	99,3	73,8
+ Cty sản xuất:	21,6	31,9	65,4	101,7	130,5
Lợi nhuận trước thuế:	4,1	5,3	7,5	3,5	8,97
Tỷ lệ chia cổ tức:	9%	12%	16%	5% + 20% cổ phiếu	15% (dự kiến)

b) Kết quả hoạt động năm 2012:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2011	Thực hiện 2012	Kế hoạch 2012	So sánh TH 2012 với	
				KH 2012	TH 2011
Tổng doanh số:	201,0	204,3	181	113%	102%
+ Cty mua ngoài:	99,3	73,8	36	205%	74%
+ Cty sản xuất:	101,7	130,5	145	90%	128%
Lợi nhuận trước thuế:	3,5	8,97	6,25	144%	256%

– Những tiến bộ công ty đã đạt được năm 2012:

- + Được bầu chọn hàng Việt Nam Chất Lượng Cao.
- + Sở Y Tế An Giang cấp chứng nhận đạt chuẩn Thực hành tốt phân phối thuốc (GDP) ngày 06/01/2012 và đạt chuẩn Thực hành tốt bảo quản thuốc (GSP) ngày 26/04/2012.
- + Cục Quản Lý Dược cấp chứng nhận GMP – WHO nhà máy sản xuất thuốc Kem – Mỡ – Nước và nhà máy sản xuất thuốc Non-betalactam ngày 15/08/2012.
- + Cục Quản Lý Dược cấp chứng nhận Công bố Chuỗi nhà thuốc GPP ngày 02/10/2012.
- + Hoàn tất phần mềm quản lý B4Ui pharmaceutical (73.000 USD).
- + **Thu nhập của cán bộ, nhân viên:**

	2008	2009	2010	2011	2012
Thu nhập bình quân/người/tháng (triệu đồng)	2,9	3,1	3,8	4,2	5

- + **Công tác nghiên cứu và phát triển:** Agimexpharm đã hợp tác được với các chuyên gia đầu ngành nghiên cứu sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu điều trị bệnh tại Việt nam. Ngoài thuốc do Cục Quản Lý Dược cấp, Agimexpharm còn được cấp 10 số đăng ký thực phẩm chức năng và 12 số đăng ký mỹ phẩm.
- + **Agimexpharm đã ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý sản xuất:** tự viết Phần mềm “Kiểm

soát quá trình sản xuất”, “Kiểm soát sự thay đổi”, “Điều khiển vận hành máy sắc ký lỏng tại nhà”, ... Nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật được áp dụng, nổi bật nhất là Phòng Kỹ thuật tự lắp đặt Hệ thống xử lý không khí xưởng Kem mỡ nước làm lợi trên 800 triệu đồng.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tài sản và nguồn vốn:

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm	Tỷ lệ (+,-%)
A. Tài sản ngắn hạn	82.145.606.202	79.967.608.516	-2,65
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3.670.003.613	6.543.520.542	+78,3
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	46.730.776.293	39.535.117.236	-15,40
IV. Hàng tồn kho	29.601.468.088	28.947.061.475	-2,21
V. Tài sản ngắn hạn khác	2.143.358.208	4.941.909.263	+130,57
B. Tài sản dài hạn	42.268.368.756	47.851.904.161	+13,21
I. Các khoản phải thu dài hạn			
II. Tài sản cố định	40.471.288.756	46.054.824.161	+13,8
III. Bất động sản đầu tư			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.797.080.000	1.797.080.000	-
V. Tài sản dài hạn khác			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	124.413.974.958	127.819.512.677	+2,74
A. Nợ phải trả	68.401.610.226	66.696.481.395	-2,50
I. Nợ ngắn hạn	64.613.608.344	62.805.181.206	-2,80
II. Nợ dài hạn	3.788.001.882	3.891.300.189	+2,73
B. Vốn chủ sở hữu	56.012.364.732	61.123.031.282	+9,12
I. Vốn chủ sở hữu	56.012.364.732	61.123.031.282	+9,12
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác			-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	124.413.974.958	127.819.512.677	+ 2,73

2.1.1. Bố trí cơ cấu nguồn vốn như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	52,18	54,97
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	47,83	45,02

Năm 2012 tổng nguồn vốn công ty tăng 2,73%, nguồn tăng này là do được tài trợ từ vay ngân hàng 4,63 tỷ để bổ sung vốn kinh doanh, khoản thuế 1,45 tỷ chưa nộp và chi phí phải trả 2,60 tỷ, vốn chủ sở hữu tăng 5,11 tỷ; trong khi do tình hình tài chính khó khăn nên các đơn vị cung cấp giảm tài trợ 9,78 tỷ. Nợ phải trả là 52,18% và nguồn vốn chủ sở hữu là 47,83% trên tổng nguồn vốn, nợ phải trả giảm và vốn chủ sở hữu tăng và với tỷ lệ này cho thấy công ty vẫn đảm bảo cân đối được nguồn vốn và nợ phải trả ở mức độ an toàn. Tuy nhiên sẽ khó khăn cho công ty nếu không kéo giảm khoản nợ vay ngắn hạn xuống, chi phí sử dụng vốn không giảm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động.

2.1.2. *Bố trí cơ cấu tài sản như sau:*

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐVT</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	62,57	66,03
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	37,43	33,97

Tổng tài sản cuối năm tăng 2,73% chủ yếu là tăng từ tài sản dài hạn trong đó tài sản cố định tăng 5,58 tỷ và tài sản ngắn hạn giảm 2,18 tỷ (trong đó các khoản phải thu giảm 7,2 tỷ, tài sản ngắn hạn khác tăng 2,8 tỷ, tiền và các khoản tương đương tiền tăng 2,87 tỷ).

Tỷ lệ tài sản dài hạn là 37,43% và tài sản ngắn hạn là 62,57% trong tổng tài sản là tương đối hợp lý. Trong đó các khoản nợ phải thu giảm, hàng tồn kho giảm, tài sản ngắn hạn khác có tăng nhưng không nhiều, mặc dù vậy công ty vẫn cần phải duy trì việc kiểm soát tốt các khoản công nợ, điều chỉnh định mức hàng tồn kho, ... tăng vòng quay vốn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý*

Nổi bật trong năm 2012, Công ty đã từng bước khắc phục những nhược điểm còn tồn tại của năm trước (kiểm soát nợ phải thu, hàng tồn kho, chi phí), cập nhật được trị giá lãi của từng sản phẩm để điều chỉnh chính sách khuyến mãi, chi phí bán hàng, ...

Hoạt động giám sát bán hàng được đẩy mạnh nhằm hiểu rõ thêm nhu cầu khách hàng, tính hiệu quả của các chương trình khuyến mãi, thúc đẩy công tác thu hồi nợ quá hạn, nợ khó đòi, ...

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai*

- Doanh thu và lợi nhuận:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2012	Kế hoạch 2013	KH2013/TH2012
Tổng doanh thu	204,3	206	100,8%
Doanh thu hàng mua ngoài	73,8	74	100,3%
Doanh thu hàng Cty sản xuất	130,5	132	101,2%
Lợi nhuận trước thuế	8,97	9,2	102,6%

- Tìm nguồn vốn đủ cho sản xuất kinh doanh; giải pháp tối ưu hạn chế rủi ro.
- Kiểm soát chặt chẽ tồn kho, công nợ, và chi phí.
- Khai thác tốt Nhà máy Kem – Mỡ – Nước.
- Tập trung vào các sản phẩm đặc trị có thị phần ổn định, sản phẩm ít cạnh tranh.
- Tìm kiếm bổ sung nguồn nhân lực giỏi đảm nhận các chương trình sản xuất, kinh doanh và phát triển thị trường.
- Phân tích, dự báo các biến động về giá nhất là giá nguyên liệu đầu vào, tỷ giá ngoại tệ, ... để có biện pháp hữu hiệu nhằm giảm thiểu tối đa những thiệt hại ngoài mong muốn.
- Báo cáo kịp thời, đầy đủ và công bố thông tin về kết quả tài chính và tình hình hoạt động của công ty đến các cổ đông, nhà đầu tư và các cơ quan hữu quan theo luật định.

IV. **ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty (Đã trình bày như trên)*
2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty (Đã trình bày như trên)*
3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị (Đã trình bày như trên)*

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng Quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có 06 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập không điều hành là DS. Trần Thị Đào, và Ông Phạm Uyên Nguyên.

Danh sách Hội đồng Quản trị

Tên	Chức vụ	Năm sinh	CMND
Nguyễn Văn Kha	Chủ tịch	1953	021606144
Nguyễn Thị Nam Hóa	Phó Chủ tịch	1954	351674155
Trần Thị Đào	Thành viên	1952	340580662
Phạm Uyên Nguyên	Thành viên	1968	022017374
Lê Hoàng	Thành viên	1962	350097438
Phạm Thị Bích Thủy	Thành viên	1969	350875600

Hoạt động của HĐQT:

➤ Công tác điều hành:

Trong năm 2012, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp theo quy định, nhiều phiên hội ý qua điện thoại để thảo luận các vấn đề: Công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh, nhằm triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội cổ đông, đưa ra các chủ trương chính sách, chiến lược phát triển của công ty, báo cáo và đánh giá nhận định về kết quả kinh doanh quý, 6 tháng, năm nhằm cập nhật kịp thời thông tin để có chỉ đạo sâu sát.

➤ Công tác quản lý:

- Bổ nhiệm nhân sự và thành lập mới Phòng Bán hàng-Phát triển thị trường, Phòng Kế hoạch-Cung ứng, Phòng Marketing và Huấn luyện sản phẩm nhằm đẩy mạnh công tác quảng bá, xây dựng thương hiệu.
- Bồi dưỡng, đào tạo cán bộ nhằm nâng cao trình độ chuyên môn.

➤ Công tác chỉ đạo kinh doanh:

Hoạt động của HĐQT về công tác chỉ đạo kinh doanh gồm có:

- Đánh giá công tác kinh doanh định kỳ quý, 6 tháng, và cả năm 2012, đề ra phương hướng kinh doanh cho toàn Công ty.
- Tăng cường hoạt động gắn kết mối quan hệ tốt với các đối tác, các nhà cung cấp vật tư, hàng hóa và nguyên phụ liệu nhằm đảm bảo có nguồn hàng ổn định, giá cả tốt nhất đồng thời xây dựng chính sách chiến lược bán hàng linh hoạt phù hợp với từng đối tượng khách hàng.
- Chú trọng nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới, cải tiến chất lượng mẫu mã hàng hóa, sản xuất kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường.
- Thông qua HĐQT phương án chia cổ tức năm 2012 và kế hoạch niêm yết cổ phiếu trên sàn upcom.

➤ Công tác khác:

- Kiểm soát chặt chẽ việc tiết kiệm chi phí qua các bộ phận trực tiếp cũng như gián tiếp sản xuất kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm.
- Rà soát sử dụng lao động phù hợp với quy mô kinh doanh.

- Thù lao các thành viên Hội đồng quản trị và ban kiểm soát năm 2012:

1. DS. Nguyễn Văn Kha	Chủ tịch HĐQT	36.000.000 đ
2. DS. Nguyễn Thị Nam Hóa	P.CT HĐQT	30.000.000 đ
3. DS. Trần Thị Đào	TV HĐQT	24.000.000 đ
4. Ông Phạm Uyên Nguyên	TV HĐQT	24.000.000 đ
5. Ông Lê Hoàng	TV HĐQT	24.000.000 đ
6. DS. Phạm Thị Bích Thủy	TV HĐQT	24.000.000 đ
7. Ông Lê Ngọc Hồng	Trưởng BKS	24.000.000 đ
8. Bà Trần Thị Thanh Hằng	TV BKS	12.000.000 đ
9. Bà Lâm Hoàng Anh	TV BKS	12.000.000 đ

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT:

STT.Thành viên HĐQT	Số cổ phiếu năm 2011	Số cổ phiếu năm 2012	Tỷ lệ 2012/2011
1. DS. Nguyễn Văn Kha	: 27.866	33.439 cổ phiếu	+ 20%
2. Nguyễn Thị Nam Hóa	: 27.795	33.354 cổ phiếu	+ 20%
3. DS. Trần Thị Đào	: 5.000	6.000 cổ phiếu	+ 20%
4. Ông Phạm Uyên Nguyên	: 283.198	339.837 cổ phiếu	+ 20%
5. DS.Phạm Thị Bích Thủy	: 37.283	44.739 cổ phiếu	+ 20%
6. Ông Lê Hoàng	: 13.169	15.802 cổ phiếu	+ 20%

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên HĐQT năm 2012 có tăng 20% so với năm 2011. Lý do: cổ phiếu thưởng!

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: *Không.*

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát có 03 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập không điều hành là Ông Lê Ngọc Hồng và Bà Trần Thị Thanh Hằng.

Tên	Chức vụ	Năm sinh	CMND
Lê Ngọc Hồng	Trưởng ban	1950	350002824
Lâm Hoàng Anh	Thành viên	1965	351674145
Trần Thị Thanh Hằng	Thành viên	1977	025026183

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật của nhà nước về sản xuất kinh doanh dược phẩm, về quản lý doanh nghiệp, về nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội, tiền lương, tiền thưởng, về chấp hành các nội quy, quy chế của doanh nghiệp.
- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị công ty.
- Tham gia ý kiến về xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, chiến lược phát triển của công ty, chính sách bán hàng, tiêu thụ sản phẩm.
- Xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin đảm bảo quyền lợi cho nhà đầu tư.
- Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty: Tiếp tục bổ sung nguồn nhân lực, thu hút cán bộ bằng các chính sách đãi ngộ hợp lý.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

- Quyền lợi của Ban giám đốc: Tổng tiền lương, thưởng và thu nhập khác của ban Tổng Giám đốc trong năm 2012 là:

+ Lương	: 965.000.000 đồng
+ Thưởng	: 114.000.000 đồng
+ Tổng cộng	: 1.079.000.000 đồng

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012
của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm

Kính gửi: Hội Đồng Quản Trị, Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm ("Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012 được lập ngày 22 tháng 01 năm 2013, từ trang 6 đến trang 25 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả kiểm toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong năm 2012 mà không đặt vấn đề xem xét lại số dư đầu năm vào ngày 01/01/2012. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu mà chưa được phát hiện ra.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả sản xuất, kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính với điều kiện không có bất kỳ sự thay đổi nào đối với số dư đầu năm vào ngày 01/01/2012.

Nguyễn Quang Nhơn, Giám đốc

Chứng chỉ KTV số 0325/KTV

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt, Chi nhánh Cần Thơ

Cần Thơ, ngày tháng 03 năm 2013

Đặng Thị Thiên Nga

Chứng chỉ KTV số 0462/KTV

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán* (Bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp).

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số: B 01 - DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		79,967,608,516	82,145,606,202
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	<i>V.1</i>	6,543,520,542	3,670,003,613
1. Tiền	111		6,543,520,542	3,670,003,613
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130	<i>V.2</i>	39,535,117,236	46,730,776,293
1. Phải thu khách hàng	131		38,461,208,379	39,331,274,393
2. Trả trước cho người bán	132		306,664,036	6,040,979,648
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HDXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		767,244,821	1,358,522,252
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140		28,947,061,475	29,601,468,088
1. Hàng tồn kho	141	<i>V.3</i>	28,947,061,475	29,601,468,088
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150	<i>V.4</i>	4,941,909,263	2,143,358,208
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	216,000,000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		4,941,909,263	1,927,358,208
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		47,851,904,161	42,268,368,756
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		46,054,824,161	40,471,288,756
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<i>V.5</i>	29,104,439,515	29,987,610,118
- Nguyên giá	222		45,513,182,234	43,614,001,571
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16,408,742,719)	(13,626,391,453)
3. Tài sản cố định vô hình	227	<i>V.6</i>	8,608,202,000	8,608,202,000
- Nguyên giá	228		8,608,202,000	8,608,202,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<i>V.7</i>	8,342,182,646	1,875,476,638
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	<i>V.8</i>	1,797,080,000	1,797,080,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1,797,080,000	1,797,080,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260		-	-

1. Chi phí trả trước dài hạn	261	-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	127,819,512,677	124,413,974,958

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		66,696,481,395	68,401,610,226
I. Nợ ngắn hạn	310		62,805,181,206	64,613,608,344
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9	42,421,946,025	37,795,669,068
2. Phải trả người bán	312	V.10	13,234,551,994	23,016,549,778
3. Người mua trả tiền trước	313	V.10	59,231,515	214,315,821
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	2,561,776,309	1,112,763,928
5. Phải trả người lao động	315		1,304,421,250	-
6. Chi phí phải trả	316	V.12	2,698,142,172	89,543,733
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	412,753,589	2,278,989,844
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		112,358,352	105,776,172
II. Nợ dài hạn	330		3,891,300,189	3,788,001,882
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.9	3,891,300,189	3,788,001,882
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10. Quỹ bình ổn giá xăng dầu	340		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		61,123,031,282	56,012,364,732
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	61,123,031,282	56,012,364,732
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		26,399,600,000	22,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19,363,666,700	23,763,266,700
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		4,662,862	4,662,862
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		7,941,867,667	7,148,170,128
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1,279,739,323	1,168,343,233
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-

10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	6,133,494,730	1,927,921,809
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421	-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430	-	-
2. Nguồn kinh phí	432	-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	127,819,512,677	124,413,974,958
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán	<i>Thuyết minh</i>	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		23,900,864	23,900,864
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số: B 02 - DN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		206,284,909,079	202,947,134,859
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1,993,270,593	1,919,683,409
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	204,291,638,486	201,027,451,450
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.1	122,690,634,225	142,525,016,718
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20	VI.1	81,601,004,261	58,502,434,732
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	355,687,124	253,381,176
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	7,118,553,155	7,676,211,904
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6,900,610,003	7,517,406,877
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	54,803,591,243	39,183,927,360
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	11,353,694,562	8,761,211,064
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8,680,852,425	3,134,465,580
11. Thu nhập khác	31	VI.7	285,492,936	370,854,686
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		285,492,936	370,854,686

14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	VI.8	8,966,345,361	3,505,320,266
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	2,082,850,631	1,277,398,457
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.8	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.8	6,883,494,730	2,227,921,809
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2,607	1,013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2012

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số		Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	126,643,973,145	128,118,259,780
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(72,891,250,781)	(94,520,041,729)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(16,721,893,824)	(14,679,791,601)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(6,788,022,513)	(7,569,694,459)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(894,081,472)	(1,662,498,087)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	37,274,831,415	38,276,055,292
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(63,429,760,344)	(58,379,320,212)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3,193,795,626	(10,417,031,016)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(2,811,977,263)	(2,312,303,262)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	40,341,210	4,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	331,708,092	222,975,420
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2,439,927,961)	(2,085,327,842)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	84,592,893,915	76,185,035,452
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(79,863,318,651)	(65,684,994,240)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2,609,926,000)	(1,095,617,128)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2,119,649,264	9,404,424,084

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	2,873,516,929	(3,097,934,774)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3,670,003,613	6,767,938,387
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6,543,520,542	3,670,003,613

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm (sau đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600699279 đăng ký lần đầu ngày 03/06/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 20/09/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 22.000.000.000, trong đó:

Cổ đông	Tổng số cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Cổ đông Nhà nước	264.000	2.640.000.000	12,00%
- Các cổ đông khác	1.936.000	19.360.000.000	88,00%
Cộng	2.200.000	22.000.000.000	100,00%

Vốn đầu tư của chủ sở hữu trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012 là 26.399.600.000, trong đó:

Cổ đông	Tổng số cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Cổ đông Nhà nước	316.800	3.168.000.000	12,00%
- Các cổ đông khác	2.323.160	23.231.600.000	88,00%
Cộng	2.639.960	26.399.600.000	100,00%

2. Trụ sở hoạt động

Trụ sở của Công ty đặt tại số 27, đường Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Công ty có 2 chi nhánh đặt tại số 24, đường số 3, cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh và số 66 đường Vũ Trọng Phụng, khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600699279 đăng ký lần đầu ngày 03/06/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 20/09/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Mua bán thiết bị quang học, thiết bị y tế, nha khoa, thiết bị bệnh viện;
- Mua bán thuốc, dược phẩm;
- Mua bán thực phẩm dinh dưỡng;
- Mua bán mỹ phẩm;
- Mua bán nguyên phụ liệu, hóa dược phục vụ sản xuất dược phẩm;
- Mua bán vacxin và sinh phẩm y tế;
- Mua bán tinh dầu từ thảo dược;
- Sản xuất thực phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, thực phẩm chức năng;
- Mua bán thức ăn gia súc;
- Sản xuất nước uống đóng bình và đóng chai (doanh nghiệp tuân thủ theo quy định pháp luật về an toàn vệ sinh thực phẩm trong quá trình hoạt động);
- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu;
- Sản xuất thức ăn gia súc;
- Mua bán thực phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, thực phẩm chức năng;
- Sản xuất mỹ phẩm;
- In ấn bao bì;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất tinh dầu từ thảo dược;
- Hoạt động hợp tác kinh doanh dịch vụ đại lý giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán, đất đai và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2012 bao gồm các hoạt động sau:

- Mua bán thuốc, dược phẩm;
- Mua bán mỹ phẩm;
- Mua bán nguyên phụ liệu, hóa dược phục vụ sản xuất dược phẩm;
- Mua bán sinh phẩm y tế;
- Sản xuất nước uống đóng bình và đóng chai (doanh nghiệp tuân thủ theo quy định pháp luật về an toàn vệ sinh thực phẩm trong quá trình hoạt động);
- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu;
- Mua bán thực phẩm chức năng.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các Thông tư sửa đổi, bổ sung của Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Cuối niên độ kế toán 2012, Công ty không có hàng tồn kho nào hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm cần lập dự phòng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao tài sản cố định được căn cứ vào khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

<i>Nhóm TSCĐ</i>	<i>Thời gian khấu hao ước tính</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	10 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều niên độ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được lập khi các khoản đầu tư bị giảm giá hoặc doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ. Cuối năm 2012, Công ty không có khoản đầu tư nào bị giảm giá cần lập dự phòng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán. Trong năm 2012, chi phí đi vay được vốn hóa là 618.417.737.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tiền lương

Năm 2012, Công ty trích quỹ tiền lương căn cứ vào hợp đồng lao động, việc trả lương căn cứ vào hợp đồng lao động.

9. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Năm 2012, Công ty chưa phân phối lợi nhuận sau thuế.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được ghi nhận căn cứ trên hóa đơn giá trị gia tăng đã lập khi hàng hóa, dịch vụ đã được cung cấp.

11. Thuế

Theo quy định của Luật thuế, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Do chuyển đổi hình thức sở hữu từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty cổ phần, Công ty được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20%, được áp dụng trong 10 năm kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động kinh doanh đối với hoạt động sản xuất thuốc tân dược;
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 25%, đối với hoạt động mua bán thuốc tân dược và kinh doanh khác;
- Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo;
- Kể từ năm 2010, Công ty không còn được ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Theo Nghị định số 24/2007.NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ và Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 của Bộ Tài Chính, khi thực hiện dự án đầu tư: Nhà máy Sản xuất Dược phẩm tiêu chuẩn GMP – WHO Công ty được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp

như sau:

- Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo;
- Năm 2012 là năm thứ 2 Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án này.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm 2012 đã được tính giảm 30% theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21/08/2012 của Bộ Tài Chính.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong năm 2012, Công ty không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

12. Số dư đầu năm

Số dư đầu năm căn cứ vào báo cáo tài chính năm trước của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học TP. Hồ Chí Minh.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	913.848.129 (a)	1.642.891.751
Tiền gửi ngân hàng	5.629.672.413 (b)	2.027.111.862
Cộng	6.543.520.542	3.670.003.613
<i>(a) Chi tiết số dư tiền mặt tại ngày 31/12/2012 như sau:</i>		
		<i>Số tiền</i>
- Tiền mặt tại Văn phòng Công ty		802.452.094
- Tiền mặt tại Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh		111.396.035
Cộng		913.848.129
<i>(b) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2012 như sau:</i>		
		<i>Số tiền</i>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang		4.455.282.507
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Tân Bình		652.532.567
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh An Giang		489.973.601
- Các ngân hàng khác		31.883.738

<i>Ngân hàng</i>	<u>Số tiền</u>
Cộng	<u>5.629.672.413</u>

2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu khách hàng	38.461.208.379 (c)	39.331.274.393
Trả trước cho người bán	306.664.036 (d)	6.040.979.648
Các khoản phải thu khác	767.244.821 (e)	1.358.522.252
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-
Cộng	39.535.117.236	46.730.776.293

(c) Chi tiết số dư phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2012 như sau:

<i>Khách hàng</i>	<u>Số tiền</u>	<u>Trong đó nợ khó đòi</u>
- Các khách hàng thuộc khối bệnh viện	11.371.425.745	-
- Các khách hàng thuộc khối công ty dược ngoài tỉnh	1.505.618.070	-
- Các khách hàng thuộc khối công ty TNHH	713.381.638	-
- Các khách hàng thuộc khối công ty Thành phố	17.185.858.293	-
- Các khách hàng thuộc các khối khác	7.684.924.633	-
Cộng	<u>38.461.208.379</u>	<u>-</u>

(d) Chi tiết số dư trả trước cho người bán tại ngày 31/12/2012 như sau:

<i>Người bán</i>	<u>Số tiền</u>	<u>Trong đó nợ khó đòi</u>
- Trả trước cho người bán tại Văn phòng Công ty	106.664.036	-
- Trả trước cho người bán tại Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	200.000.000	-
Cộng	<u>306.664.036</u>	<u>-</u>

(e) Chi tiết số dư phải thu khác tại ngày 31/12/2012 như sau:

	<u>Số tiền</u>	<u>Trong đó nợ khó đòi</u>
- Bảo hiểm xã hội nộp thừa	669.159	-
- Thuế thu nhập cá nhân	196.782.662	-

	<u>Số tiền</u>	<u>Trong đó nợ khó đòi</u>
- Tạm ứng chi phí tiếp thị	569.793.000	-
Cộng	<u>767.244.821</u>	<u>-</u>

3. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	-	290.654.485
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	11.308.690.925 (f)	11.327.538.070
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.779.336.872 (g)	2.894.323.785
Thành phẩm tồn kho	9.558.334.395 (h)	7.107.630.297
Hàng hóa tồn kho	5.300.699.283 (i)	7.981.321.451
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>28.947.061.475</u>	<u>29.601.468.088</u>

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: không có
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không có
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có

(f) Chi tiết số dư nguyên liệu, vật liệu tồn kho tại ngày 31/12/2012 như sau:

Nguyên liệu, vật liệu	<u>Số tiền</u>
- Nguyên vật liệu chính	7.827.780.266
- Vật liệu phụ	3.480.910.659
Cộng	<u>11.308.690.925</u>

(g) Chi tiết số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31/12/2012 như sau:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	<u>Số tiền</u>
- Hoá chất	2.321.521.342
- Phụ liệu	457.815.530
Cộng	<u>2.779.336.872</u>

(h) Chi tiết số dư thành phẩm tồn kho tại ngày 31/12/2012 chủ yếu là thuốc tồn kho các loại.

(i) Chi tiết số dư hàng hóa tồn kho tại ngày 31/12/2012 như sau:

Hàng hóa	<u>Số tiền</u>
-----------------	----------------

<i>Hàng hóa</i>	<i>Số tiền</i>
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	3.587.646.504
- Nhà thuốc số 1	131.663.818
- Nhà thuốc số 2	93.585.673
- Nhà thuốc số 3	85.226.825
- Nhà thuốc số 4	129.077.924
- Nhà thuốc số 5	13.278.968
- Nhà thuốc số 6	101.053.864
- Phòng kinh doanh	1.159.165.707
Cộng	<u>5.300.699.283</u>

4. Tài sản ngắn hạn khác

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí trả trước ngắn hạn	-	216.000.000
Tài sản ngắn hạn khác	4.941.909.263 (j)	1.927.358.208
Cộng	<u>4.941.909.263</u>	<u>2.143.358.208</u>

(j) Chi tiết số dư tài sản ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2012 như sau:

	<i>Số tiền</i>
- Tạm ứng	1.276.769.118
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.665.140.145
Cộng	<u>4.941.909.263</u>

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

<i>Loại tài sản</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Nguyên giá	43.614.001.571	1.899.180.663	-	45.513.182.234
- Nhà cửa, vật kiến trúc	22.134.937.741	-	-	22.134.937.741
- Máy móc, thiết bị	18.187.946.296	265.783.637	-	18.453.729.933
- PT vận tải, TB truyền dẫn	1.951.247.036	43.000.000	-	1.994.247.036
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.339.870.498	1.590.397.026	-	2.930.267.524

<i>Loại tài sản</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Hao mòn lũy kế	13.626.391.453	2.782.351.266	-	16.408.742.719
- Nhà cửa, vật kiến trúc	5.080.320.209	866.849.807	-	5.947.170.016
- Máy móc, thiết bị	6.624.580.756	1.573.424.157	-	8.198.004.913
- PT vận tải, TB truyền dẫn	1.197.187.953	196.506.502	-	1.393.694.455
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	724.302.535	145.570.800	-	869.873.335
Giá trị còn lại	29.987.610.118			29.104.439.515
- Nhà cửa, vật kiến trúc	17.054.617.532			16.187.767.725
- Máy móc, thiết bị	11.563.365.540			10.255.725.020
- PT vận tải, TB truyền dẫn	754.059.083			600.552.581
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	615.567.963			2.060.394.189

Chi tiết tài sản cố định hữu hình tăng trong năm 2012 như sau:

	<i>Số tiền</i>
- Phần mềm B4UI	1.554.078.844
- Máy đo độ cứng	118.000.000
- Các TSCĐ khác	227.101.819
Cộng	1.899.180.663

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 6.022.589.592
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.528.493.055
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: không có
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có

6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình – Quyền sử dụng đất

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Số cuối năm</i>
--	-------------------	-------------	-------------	--------------------

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Nguyên giá	8.608.202.000	-	-	8.608.202.000
Hao mòn lũy kế	-	-	-	-
Giá trị còn lại	8.608.202.000			8.608.202.000

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang
Công trình

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Nhà máy dầu - mỡ - nước	8.342.182.646	1.875.476.638
Cộng	8.342.182.646	1.875.476.638

8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số lượng cổ phần</i>	<i>Kết quả đầu tư năm 2012</i>
- Cổ phiếu Công ty CP Hóa dược phẩm Mekophar	20.000.000	-	-	20.000.000	3.000	3.608.000
- Cổ phiếu Công ty CP Dược phẩm Imexpharm	187.280.000	-	-	187.280.000	17.424	98.991.600
- Cổ phiếu Công ty CP Dược phẩm OPC	21.300.000	-	-	21.300.000	2.130	23.146.000
- Cổ phiếu Công ty CP Dược phẩm 3/2	1.558.500.000	-	-	1.558.500.000	79.500	174.900.000
- Cổ phiếu Công ty CP Y Dược phẩm Việt Nam	10.000.000	-	-	10.000.000	100	7.000.000
Cộng	1.797.080.000	-	-	1.797.080.000	-	307.645.600

9. Vay và nợ ngắn hạn, vay và nợ dài hạn

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Vay và nợ ngắn hạn	42.421.946.025 (k)	37.795.669.068
Vay và nợ dài hạn	3.891.300.189 (l)	3.788.001.882
Cộng	46.313.246.214	41.583.670.950

(k) Chi tiết số dư vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2012 như sau:

	<i>Số tiền</i>
- Vay cá nhân	9.368.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN An Giang	28.225.573.580
- Ngân hàng TMCP Á Châu – CN An Giang	3.401.672.445
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – CN An Giang	1.426.700.000
Cộng	42.421.946.025

(l) Chi tiết số dư vay dài hạn tại ngày 31/12/2012 như sau:

	<i>Số tiền</i>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN An Giang	2.773.800.189
- Quỹ hỗ trợ Xã hội hóa tỉnh An Giang	1.117.500.000
Cộng	3.891.300.189

10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả người bán	13.234.551.994 (m)	23.016.549.778
Người mua trả tiền trước	59.231.515	214.315.821
Cộng	13.293.783.509	23.230.865.599

(m) Chi tiết số dư phải trả người bán tại ngày 31/12/2012 như sau:

<i>Người bán</i>		<i>Số tiền</i>	
- Phải trả người bán tại Văn phòng Công ty		11.904.595.888	
- Phải trả người bán tại Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh		1.329.956.106	
Cộng		13.234.551.994	
11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước			
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
- Thuế giá trị gia tăng	355.617.868	119.092.751	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.068.833.027	880.063.868	
- Thuế thu nhập cá nhân	132.057.844	113.607.309	
- Tiền thuê đất	5.267.570	-	
Cộng	2.561.776.309	1.112.763.928	
12. Chi phí phải trả			
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
Chi phí phải trả	2.698.142.172 (n)	89.543.733	
Cộng	2.698.142.172	89.543.733	

(n) Chi tiết số dư chi phí phải trả tại ngày 31/12/2012 như sau:

	<i>Số tiền</i>
- Chi phí lãi vay	202.290.823
- Chi phí chăm sóc khách hàng	1.926.466.795
- Chi phí chiết khấu cho Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Thiên Y	569.384.554

Số tiền

Cộng

2.698.142.172

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Số cuối năm

Số đầu năm

Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

412.753.589 (o)

2.278.989.844

Cộng

412.753.589

2.278.989.844

(o) Chi tiết số dư các khoản phải trả, phải nộp khác tại ngày 31/12/2012 như sau:

Số tiền

- Kinh phí công đoàn

158.573.078

- Cổ tức phải trả

133.308.000

- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Liên Hiệp Phúc

45.000.000

- Bệnh viện đa khoa huyện Thới Bình

1.197.603

- Lý Trọng Bình

74.674.908

Cộng

412.753.589

14. Vốn chủ sở hữu

(f) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm nay

	<i>Đầu năm</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Cuối năm</i>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	22.000.000.000	4.399.600.000	-	26.399.600.000
- Thặng dư vốn cổ phần	23.763.266.700	-	4.399.600.000	19.363.666.700
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	4.662.862	-	-	4.662.862
- Quỹ đầu tư phát triển	7.148.170.128	793.697.539	-	7.941.867.667
- Quỹ dự phòng tài chính	1.168.343.233	111.396.090	-	1.279.739.323
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.927.921.809	6.960.702.550	2.755.129.629	6.133.494.730
Cộng	56.012.364.732	12.265.396.179	7.154.729.629	61.123.031.282

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng và thặng dư vốn cổ phần giảm là do tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu từ thặng dư vốn cổ phần theo Thông báo phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu ngày 24/09/2012 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

Quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính tăng là do trích lập từ lợi nhuận sau thuế năm 2011.

(g) *Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Cổ đông	Tổng số cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Cổ đông Nhà nước	316.800	3.168.000.000	12,00%
- Các cổ đông khác	2.323.160	23.231.600.000	88,00%
Cộng	2.639.960	26.399.600.000	100,00%

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: không có

Số lượng cổ phiếu quỹ: không có

(h) *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

	Năm nay
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
▪ Vốn góp đầu năm	22.000.000.000
▪ Vốn góp tăng trong năm	4.399.600.000
▪ Vốn góp giảm trong năm	-
▪ Vốn góp cuối năm	26.399.600.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.609.926.000

(i) *Cổ tức*

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán trên cổ phiếu thường: chưa công bố

(j) *Cổ phiếu*

	Năm nay
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.200.000
- Số lượng cổ phiếu đã được bán ra công chúng	2.639.960
▪ <i>Cổ phiếu thường</i>	2.639.960
▪ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-

	<i>Năm nay</i>
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-
▪ <i>Cổ phiếu thường</i>	-
▪ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.639.960
▪ <i>Cổ phiếu thường</i>	2.639.960
▪ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Doanh thu thuần</i>	<i>Giá vốn</i>	<i>Lãi gộp</i>	<i>Tỷ lệ</i>
- Hàng hóa	73.839.305.347	64.432.407.409	9.406.897.938	12,74%
- Thành phẩm	130.452.333.139	58.258.226.816	72.194.106.323	55,34%
Cộng	204.291.638.486	122.690.634.225	81.601.004.261	39,94%

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<i>Số tiền</i>
- Hàng bán bị trả lại – hàng hóa	39.304.822
- Hàng bán bị trả lại – thành phẩm	1.946.842.307
- Giảm giá hàng bán – thành phẩm	7.123.464
Cộng	1.993.270.593

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Số tiền</i>
- Lãi tiền gửi ngân hàng	44.572.624
- Cổ tức được chia	307.645.600
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.468.900
Cộng	355.687.124

4. Chi phí tài chính

	<u>Số tiền</u>
- Chi phí lãi vay	6.900.610.003
- Chiết khấu thanh toán	138.509.525
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	79.433.627
Cộng	<u>7.118.553.155</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Số tiền</u>
- Chi phí nhân viên	22.734.867.301
- Chi phí vật liệu, bao bì	2.523.862
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	81.000.000
- Chi phí khấu hao TSCĐ	808.177.769
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.639.619.844
- Chi phí bằng tiền khác	24.537.402.467
Cộng	<u>54.803.591.243</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Số tiền</u>
- Chi phí nhân viên quản lý	5.345.336.712
- Chi phí vật liệu quản lý	4.709.246
- Chi phí đồ dùng văn phòng	309.694.181
- Chi phí khấu hao TSCĐ	371.411.569
- Thuế, phí và lệ phí	833.908.703
- Dự phòng về trợ cấp mất việc làm	134.525.970
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	760.018.420
- Chi phí bằng tiền khác	3.594.089.761
Cộng	<u>11.353.694.562</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Số tiền</u>
- Xử lý chênh lệch sau kiểm kê	148.361.469
- Thu hỗ trợ nhãn hiệu hàng hóa và việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo Iso 9001	50.000.000
- Thu cho thuê mặt bằng	36.361.459
- Thu tiền phạt nhân viên thu hồi nợ chậm	32.216.626
- Các khoản thu nhập khác	18.553.382
Cộng	<u>285.492.936</u>

8. Phân phối lợi nhuận	
<i>Số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 01/01/2012</i>	1.927.921.809
<i>Phân phối trong năm 20102</i>	1.927.921.809
- Trích quỹ đầu tư phát triển	793.697.539
- Trích quỹ dự phòng tài chính	111.396.090
- Chia cổ tức năm 2011	1.100.036.000
- Điều chỉnh giảm quỹ khen thưởng, phúc lợi đã tạm trích năm 2011 theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011	(77.207.820)
 <i>Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2012 (a)</i>	 8.966.345.361
<i>Điều chỉnh các khoản giảm thu nhập chịu thuế</i>	<i>307.645.600</i>
- Cổ tức được chia	307.645.600
<i>Điều chỉnh các khoản tăng thu nhập chịu thuế</i>	<i>9.279.233.692</i>
- Chi phí khấu hao TSCĐ không có hóa đơn, chứng từ đúng quy định	3.422.566
- Chi phí lãi vay cá nhân vượt mức khống chế	182.945.677
- Thù lao Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành Công ty	48.000.000
- Chi phí quảng cáo, tiếp tân, khuyến mãi... vượt mức khống chế	8.908.865.449
- Chi phí không có hóa đơn, chứng từ đúng quy định	136.000.000
 <i>Lợi nhuận tính thuế năm tài chính 2012</i>	 17.937.933.453
<i>Trong đó:</i>	
- <i>Lợi nhuận không được hưởng ưu đãi</i>	<i>285.492.936</i>
- <i>Lợi nhuận được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>10.059.883.086</i>
- <i>Lợi nhuận chịu thuế 25%</i>	<i>7.592.557.431</i>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trước khi giảm 30% theo Thông tư số 140/TT-BTC	2.975.500.901
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được giảm 30%	892.650.270
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành sau khi giảm 30% theo Thông tư số 140/TT-BTC (b)	2.082.850.631
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-
 <i>Lợi nhuận kế toán sau thuế năm 2012 (c) = (a) – (b)</i>	 6.883.494.730
- Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	750.000.000
<i>Số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2012</i>	6.133.494.730

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có
 Trong năm không có thay đổi lớn nào trong chính sách kế toán áp dụng tại Công ty.

3. Thông tin về các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư phải thu /(phải trả)
Công ty CP Dược phẩm 3/2	Cổ đông	Mua hàng	1.669.690.384	(343.365.454)
Công ty CP Dược phẩm Tê Nam Y Dược	Cổ đông	Mua hàng	98.651.878	(32.690.576)
Công ty CP Dược phẩm Imexpharm	Cổ đông	Bán hàng	3.577.131.353	1.177.653.252
Công ty CP XNK Y tế Domesco	Cổ đông	Bán hàng	1.632.847.063	(157.920.867)

4. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước): Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học TP. Hồ Chí Minh.

5. Thông tin về hoạt động liên tục: không có

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty

PHÓ GIÁM ĐỐC

LÊ HOÀNG